

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2017

“V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trường Minh

2. Bà Lê Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án – Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Ngọc H– SN: 1988

Địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái

Nơi ở hiện nay: Tổ 21, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai

2. Bị đơn: Chị Lê Thị C– Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2017 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Dương Ngọc H trình bày: Anh và chị Lê Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 20/11/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai sinh sống đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo động viên nhưng chị C không chịu về nhà. Đến nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh H và chị C có 01 người con chung là cháu Dương Hải Đ – Sinh ngày 18/9/2010, hiện nay cháu đang ở cùng chị C tại Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. Sau khi ly hôn anh đề nghị nhường quyền nuôi con cho chị C và cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Dương Ngọc H khai nhận hiện nay vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai gửi Tòa án đề ngày 13 tháng 6 năm 2017 chị C trình bày: chị và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đi cờ bạc, rượu chè. Từ năm 2012 anh H tự ý bỏ nhà đi sống ly thân với chị. Nay anh H khởi kiện xin ly hôn chị không nhất trí, nếu anh H cương quyết xin ly hôn chị đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Dương Hải Đ – Sinh ngày 18/9/2010. Hiện nay cháu đang ở cùng chị tại xã B, huyện M. Nếu anh H cương quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: Chị và anh H không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị C đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt chị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị C đến tham gia phiên hòa giải nhưng chị C không có mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm anh H có mặt, chị C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bản tự khai chị C đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015 thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Ngọc H và chị Lê Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân của anh H và chị C là hợp pháp.

Anh H và chị C đều xác nhận anh chị có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Chị C không muốn ly hôn với anh H nhưng chị không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về tình cảm anh chị vẫn còn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh chị đã bị rạn nứt, không có tình nghĩa vợ chồng, các bên đều không thực hiện quyền, nghĩa vụ của người vợ, người chồng theo quy định làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy chị C không nhất trí ly hôn nhưng thực tế các tài liệu chứng cứ thể hiện chị C và anh H không chung sống cùng nhau nhưng không vì lý do chính đáng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, anh chị không ai quan tâm đến ai, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh Dương Ngọc H và chị Lê Thị C đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Dương Hải Đ – sinh ngày 18/9/2010, hiện nay chị C đang nuôi dưỡng. Anh H có đề nghị nhường quyền nuôi dưỡng cháu Dương Hải Đ cho chị C, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành, anh H cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận mức thu nhập do Nhà phân phối S – Đường X, thành phố L nơi anh H đang làm việc là 5.000.000đ/tháng. Tại bản tự khai chị C cũng có đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng. Chị C có cung cấp cho Tòa án 01 giấy xác nhận mức thu nhập hiện tại của chị là 1.500.000đ/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H nhất trí cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu của chị C, thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 7/2017. Quá trình giải quyết vụ án do cháu Đ chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu. Tuy nhiên, từ khi anh H và chị C sống ly thân chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Tại đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H xác nhận do điều kiện công việc nên anh H không có thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con chung được, từ trước đến nay chị C vẫn là người trực tiếp nuôi con, nên anh H đề nghị giao con cho chị C nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng. Xét thấy yêu cầu đề nghị của các đương sự là phù hợp, cháu Đ đã sinh sống với mẹ từ nhỏ nên điều kiện chăm sóc cháu đảm bảo. Tại phiên tòa anh H cũng xác nhận việc chị C trông nom, chăm sóc con chung tốt, đảm bảo điều kiện cho sự phát triển của cháu. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Dương Hải Đ cho chị C nuôi dưỡng. Việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ/tháng bắt đầu từ tháng 7/2017, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự

và khoản 5,6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1,4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Ngọc H được ly hôn với chị Lê Thị C.

2/Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Dương Hải Đ – Sinh ngày 18/9/2010 cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi anh H và chị C có thỏa thuận khác. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 7/2017.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây khó khăn ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, Tổng cộng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 07459 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Lào Cai. Anh H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Anh Dương Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Minh Yên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bình Hoàng Trường Minh

Lý Thị Minh Yên